

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19 tháng 3 năm 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

2. Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 348/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị X, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị X chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai năm 2003. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2011 thì ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 74/2011/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2011. Năm 2014, tôi và chị X chung sống lại với nhau và có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận kết hôn số: 106, quyển số 01/2014 ngày 27/6/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình trong sinh hoạt cá nhân hàng ngày, ăn uống, sở thích

cũng như trong công việc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau không khắc phục được. Năm 2017, tôi có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, nhưng sau đó tôi muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình nên rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 91/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, tôi và chị X luôn bất đồng ý kiến từ việc sinh hoạt của vợ chồng trong gia đình cho đến tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và chị X không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trần Thị X.

Về con chung: Tôi và chị X có 04 con chung gồm: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/7/2014; Nguyễn Trường T, sinh ngày 31/7/2007; Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 03/9/2004. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Trường T và cháu Nguyễn Xuân T cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu X và cháu K cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo lời khai có tại hồ sơ bị đơn chị Trần Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì tôi là người theo đạo Thiên Chúa nên không cho phép ly hôn. Trường hợp anh H cương quyết xin ly hôn với tôi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và anh H có 04 con chung gồm: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/7/2014; Nguyễn Trường T, sinh ngày 31/7/2007; Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 03/9/2004. Sau khi ly hôn các con theo cha hoặc theo mẹ thì cha hoặc mẹ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Trần Thị X, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 4, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 106, quyển số 01/2014 ngày 27/6/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, anh H vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị X do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn chị X tại phiên tòa đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị X là do vợ chồng tính tình không hợp nhau trong sinh hoạt thường ngày, trong sở thích cũng như trong công việc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau không khắc phục được. Đồng thời, anh H cũng đã nộp đơn xin ly hôn với chị X tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu 02 lần: Năm 2011, Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 74/2011/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2011. Năm 2017, Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 91/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 anh H và chị X về hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Theo biên bản xác minh ngày 11/12/2017 tại địa phương nơi anh H, chị X cư trú có ghi nhận nội dung: “Anh H và chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, anh H và mẹ ruột ở nhà mới xây tại tổ 1, ấp 4, xã V, huyện V, còn chị X và các con ở nhà tại tổ 16, ấp 4, xã V, huyện V”. Căn cứ trình bày của nguyên đơn, bị đơn nêu trên và tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị X dành cho nhau không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn đối với chị Trần Thị X.

[2]. Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị X yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết giao 04 con chung gồm: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/7/2014; Nguyễn Trường T, sinh ngày 31/7/2007; Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 03/9/2004 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời tại phiên tòa, các cháu Nguyễn Trường T, Nguyễn Xuân T, X và K đều thống nhất ý kiến được sống chung với chị X. Tại phiên tòa, anh H tự nguyện đồng ý giao 04 con chung Nguyễn Trường T, Nguyễn Xuân T, X và K cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý chí của các đương sự là tự nguyện nên ghi nhận. Theo chị X khai tại tòa hiện tại chị làm nghề buôn bán, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, có nhà ở ổn định tại xã V nên đảm bảo về chỗ ở và đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Như vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở giao các cháu Nguyễn Trường T, Nguyễn Xuân T, X và K cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3]. Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị X không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai có tại hồ sơ anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi 04 con chung gồm: Nguyễn Trường T, Nguyễn Xuân T, X và K số tiền 2.000.000 đồng/tháng/04 con cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/3/2018). Ý chí của anh H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.
- + Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.
- + Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị X.
2. Về nuôi con chung: Giao 04 con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 31/7/2007, Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18/10/2005, Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/7/2014 và Nguyễn Thanh X, sinh ngày 03/9/2004 cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con chung gồm: Nguyễn Trường T, Nguyễn Xuân T, X và K số tiền 2.000.000 đồng/tháng/04 con (Hai triệu đồng trên tháng trên bốn con) cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/3/2018.

Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba

trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu số: 000609 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn